



Bài báo nghiên cứu

TRẦN ĐỨC THẢO VÀ KARL POPPER: NHỮNG KHÁC BIỆT TRONG CÁCH TIẾP CẬN CHỦ NGHĨA MÁC

Bùi Lan Hương

Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2, Việt Nam

Tác giả liên hệ: Bùi Lan Hương – Email: builanhuong.ussh@gmail.com

Ngày nhận bài: 01-5-2020; ngày nhận bài sửa: 01-6-2020, ngày chấp nhận đăng: 20-7-2020

TÓM TẮT

Bài viết phân tích những khác biệt trong nghiên cứu chủ nghĩa Mác của hai nhà triết học nổi tiếng thế kỷ XX – Trần Đức Thảo và Karl Popper. Mặc dù có nhiều điểm tương đồng trong xuất thân và sự nghiệp nhưng nếu như Trần Đức Thảo chuyển từ lập trường duy tâm sang lập trường duy vật dưới sự ảnh hưởng của triết học Mác, trở thành nhà Mác-xít chân chính, kế thừa và phát triển chủ nghĩa Mác thì Karl Popper lại rời bỏ chủ nghĩa Mác và trở thành người phê phán chủ nghĩa này một cách cương quyết, bởi hai ông đã đứng trên hai lập trường khác nhau để tiếp cận chủ nghĩa Mác. Nếu Trần Đức Thảo đến với chủ nghĩa Mác với tư cách là người dân yêu nước của một nước thuộc địa nhằm tìm kiếm một hệ thống lí luận cách mạng giải phóng dân tộc thì K. Popper đã đứng trên lập trường dân chủ cải lương của công dân một nước tư bản để phê phán học thuyết này. Tuy nhiên, dù nghiên cứu chủ nghĩa Mác ở góc độ nào thì cả Karl Popper và Trần Đức Thảo đều là những nhà khoa học “tư duy không biết mệt”, say mê nghiên cứu với một tinh thần phản biện chân chính.

Từ khóa: Karl Popper; Trần Đức Thảo; chủ nghĩa Mác; sự khác biệt

1. Đặt vấn đề

Trần Đức Thảo (1917-1993) và Karl Popper (1902-1994) là hai nhà triết học nổi danh của thế kỷ XX, nếu như Trần Đức Thảo được xem là “nhà triết học lớn của thế kỷ” (Huy Cận) thì Karl Popper được đánh giá là một trong những triết gia có ảnh hưởng nhất thế kỷ XX. Với trí tuệ uyên thâm của mình trên mọi địa hạt của triết học từ logic học, ngôn ngữ, khoa học cho đến chính trị – xã hội, hai nhà tư tưởng đều ghi lại những dấu ấn đậm nét.

Trong bối cảnh kinh tế – xã hội có nhiều biến động, cuộc đấu tranh không khoan nhượng giữa hai phe TBCN và XHCN ở thời điểm gay gắt nhất, cũng là lúc chủ nghĩa Mác có ảnh hưởng sâu rộng trên phạm vi toàn thế giới. Trước sức hấp dẫn của một chủ thuyết lớn, hai ông đều coi chủ nghĩa Mác như một đối tượng để nghiên cứu và sau đó ít, nhiều chịu ảnh hưởng bởi học thuyết này. Tuy nhiên, mỗi người lại chọn cho mình một cách tiếp cận, một thái độ đánh giá khác nhau.

Cite this article as: Bui Lan Huong (2020). Tran Duc Thao and Karl popper: Different approaches to Marxism. *Ho Chi Minh City University of Education Journal of Science*, 17(7), 1150-1160.

Nghiên cứu về hai cách tiếp cận khoa học khác nhau đối với chủ nghĩa Mác của hai ông giúp chúng ta không những hiểu biết sâu sắc hơn về tư tưởng của hai nhà triết học trứ danh thế kỉ XX – Trần Đức Thảo và Karl Popper – mà còn giúp có cái nhìn đa chiều hơn về chủ nghĩa Mác.

2. Nội dung

Đã có không ít những nhà tư tưởng nghiên cứu về chủ nghĩa Mác với những góc độ và lập trường khác nhau. Song không phải ngẫu nhiên mà chúng tôi lựa chọn so sánh cách tiếp cận giữa Trần Đức Thảo và Karl Popper, sở dĩ có sự lựa chọn này là bởi hai ông đều là những nhà triết học cùng thời và có nhiều điểm tương đồng. *Thứ nhất*, Trần Đức Thảo và K. Popper đều may mắn được sinh trưởng trong một gia đình có truyền thống hiếu học, danh giá và nề nếp. *Thứ hai*, hai ông đều sống trong thời kì xã hội có những biến động sâu sắc và chịu ảnh hưởng của chiến tranh khốc liệt nên luôn giương cao ngọn cờ tự do và dân chủ. Chủ nghĩa Mác là một học thuyết luôn đề cao tự do và dân chủ với tính chất lan tỏa của một học thuyết lớn nên không khó hiểu khi nó có sức hút đối với hai nhà triết học này. *Thứ ba*, được đào tạo bài bản về triết học, hai ông có những công trình nghiên cứu chuyên sâu về chủ nghĩa Mác gây được tiếng vang lớn.

Với nhiều điểm tương đồng về cuộc đời và sự nghiệp, Trần Đức Thảo và Karl Popper đều là những nhà triết học dành nhiều tâm sức cho việc nghiên cứu nội dung chủ nghĩa Mác. Tuy nhiên, sự khác biệt ở đây là nếu như Trần Đức Thảo chuyển từ lập trường triết học duy tâm sang lập trường triết học duy vật dưới sự ảnh hưởng của triết học Mác, trở thành nhà Mác-xít chân chính kế thừa và phát triển chủ nghĩa Mác thì Karl Popper lại rời bỏ chủ nghĩa Mác và trở thành một người phê phán chủ nghĩa này một cách cương quyết.

2.1. Trần Đức Thảo bảo vệ và phát triển chủ nghĩa Mác

Trần Đức Thảo vốn là một người được đào tạo theo trường phái hiện tượng học và hiện sinh chủ nghĩa. Ông cũng từng học tập và nghiên cứu với các nhà tư tưởng lớn nhất của triết học phương Tây giữa thế kỉ trước như J. P. Sartre, Maurice Merleau - Ponty... Trong những năm 40-50 của thế kỉ XX, xã hội và đời sống lí luận của phương Tây vô cùng phức tạp, vào thời điểm ấy chủ nghĩa Mác cũng bị xuyên tạc, thậm chí cả phép biện chứng duy vật – hạt nhân hợp lí của nó cũng bị gạt bỏ thì Trần Đức Thảo đã lựa chọn con đường đi cho mình là trở thành một nhà triết học Mác-xít.

Trần Đức Thảo đã khẳng định giá trị chân chính của chủ nghĩa Mác. Khác với tất cả những học thuyết triết học trước đó, học thuyết Mác mang bản chất đặc biệt, bản chất ấy nằm chính ngay trong mục đích cải tạo xã hội cũ, xây dựng một xã hội mới mà các nhà kinh điển hướng đến. Trong tiểu sử tự thuật của mình, ông đã nói:

Trong tiến trình của mình, tôi đã được dẫn đến chủ nghĩa Mác bằng hai con đường: một là cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc dẫn tới chủ nghĩa xã hội, một mặt khác là nghiên cứu triết học và lịch sử đã chỉ cho tôi thấy rằng chủ nghĩa Mác – Lênin mới cung cấp giải pháp đúng đắn cho những vấn đề chung của lí thuyết khoa học. (Tran, 1984)

Thái độ bênh vực chủ nghĩa duy vật này biểu lộ trong cuộc bút chiến giữa Trần Đức Thảo và Jean-Paul Sartre. Trong khi chấp nhận quan điểm lịch sử của chủ nghĩa Mác, Sartre công kích quan điểm chính trị và văn hóa của nó biểu hiện ở Liên Xô. Trần Đức Thảo trái lại bênh vực chủ nghĩa cộng sản. Jean-Paul Sartre chỉ công nhận chủ nghĩa Mác có giá trị về khoa học lịch sử và xã hội, theo ông, chủ nghĩa Mác không có giá trị nhận thức triết học. Ngược lại, Trần Đức Thảo cho rằng chủ nghĩa Mác có giá trị toàn diện, cả lịch sử, lẫn xã hội và cả triết học. Cuộc tranh luận này giữa hai nhà triết học nổi tiếng châu Âu không kết thúc vì Trần Đức Thảo bị thu hút bởi các biến cố trong nước, nhưng theo lời của chính Simone de Beauvoir, nữ triết gia và vợ của Sartre trong *Hồi kí* thì phần đúng là thiên về ông Thảo. Năm 1950, Trần Đức Thảo xuất bản *Hiện tượng luận và chủ nghĩa duy vật biện chứng*, khẳng định chính chủ nghĩa duy vật biện chứng Mác-xít là kế thừa triết học chân chính, vượt gộp hiện tượng luận. Trong công trình này, ông đã phác họa quá trình phát triển các loài cho đến con người, nhưng chưa có điều kiện vạch ra quá trình phát sinh của ngôn ngữ và ý thức. Công trình này, như chính Đảng Cộng sản Pháp thừa nhận, đã góp phần tạo nên nhiều thế hệ cộng sản ở Pháp.

Trong sự nghiệp nghiên cứu của mình Trần Đức Thảo đã dành nhiều tác phẩm để nghiên cứu, bảo vệ và phát triển chủ nghĩa Mác. Năm 1951, cuốn *Hiện tượng học và chủ nghĩa duy vật biện chứng* của Trần Đức Thảo ra đời đã đánh dấu sự chuyển biến của ông từ hiện tượng học sang chủ nghĩa duy vật biện chứng. Cuối năm 1988, cuốn *Vấn đề con người và chủ nghĩa “lí luận không có con người”* viết bằng tiếng Việt và được chính tác giả dịch sang tiếng Pháp, đề cập nhiều vấn đề triết học hiện đại theo quan điểm Mác-xít. Cho đến khi qua đời, Trần Đức Thảo vẫn còn một số tác phẩm tiếng Việt nghiên cứu về chủ nghĩa Mác mà ông chưa kịp công bố: *Vấn đề con người trong chủ nghĩa Mác-Lênin, Về sự tha hóa của con người và chủ nghĩa Mác-Lênin chống tha hóa...*

Qua những phân tích trên có thể khẳng định Giáo sư Trần Đức Thảo đã có những đóng góp to lớn trong việc nghiên cứu, bảo vệ và phát triển chủ nghĩa Mác.

2.2. *Sự phê phán của K. Popper đối với chủ nghĩa Mác*

Khi K. Popper bắt đầu học đại học vào năm 1924, phái cánh tả chiếm ưu thế về chính trị. Thời gian này là giai đoạn cao trào của thời kì Viên Đỏ (1918-1934). Popper đã hoạt động tích cực trong phong trào thanh niên xã hội chủ nghĩa. Sau khi chứng kiến 8 người bị giết chết trong các xung đột đầy bạo lực giữa những người cộng sản và cảnh sát Viên, ông rời bỏ chủ nghĩa Mác và trở thành một người phê phán chủ nghĩa này một cách cương quyết. Hai tác phẩm nổi tiếng thể hiện những nghiên cứu, suy tư của ông về chủ nghĩa Mác là *Xã hội mở và kẻ thù của nó* và *Sự nghèo nàn của thuyết lịch sử luận*.

Popper cho rằng:

Mác là nhà dự báo về quá trình lịch sử, nhưng lời dự báo của ông không chuẩn xác. Thực ra đó không phải là điều chỉ trích của tôi đối với ông. Điều quan trọng hơn là ông đã sai lầm trong việc làm cho những người tri thức tin rằng việc đưa ra dự báo khoa học là phương pháp khoa

học để nghiên cứu vấn đề xã hội. Phương pháp tư tưởng của chủ nghĩa lịch sử có ảnh hưởng mang tính chất phá hoại đối với những người có ý thức thúc đẩy sự hình thành xã hội mở. Mác phải chịu trách nhiệm về việc đó. (Ly, 2005, p.81)

Toàn bộ sự phê phán của Popper đối với quan điểm của chủ nghĩa lịch sử được tập trung ở việc phủ nhận tính quyết định luận của chủ nghĩa lịch sử.

K. Popper cho rằng đối với K. Marx, lịch sử là một sự kế tiếp của các hệ thống kinh tế và chính trị, hay “các phương thức sản xuất”. Khi sự đổi mới kỹ thuật và những cách thức tổ chức sản xuất mới dẫn tới sự cải thiện khả năng của xã hội trong việc đáp ứng các nhu cầu vật chất của con người, một phương thức sản xuất mới ra đời. Trong mỗi phương thức sản xuất mới, hệ thống chính trị và pháp lí, cũng như các giá trị đạo đức và tôn giáo chi phối sẽ phản ánh lợi ích của những người kiểm soát hệ thống sản xuất mới. K. Marx tin rằng trong giai đoạn sản xuất tư bản chủ nghĩa, năng lực sản xuất được giải phóng nhờ công nghệ mới, chủ nghĩa tư bản cuối cùng đi đến mâu thuẫn với chính chủ nghĩa tư bản như là một hệ thống kinh tế và chính trị, mà đặc điểm chính của nó là không hiệu quả, bất ổn, và bất công. K. Marx dự đoán những thiếu sót này chắc chắn sẽ dẫn đến cách mạng, và sau đó là sự thiết lập xã hội cộng sản. Giai đoạn phát triển của lịch sử loài người sẽ là giai đoạn sung túc vật chất, tự do và bình đẳng thực sự cho tất cả.

Như vậy, nếu như chủ nghĩa duy vật lịch sử của K. Marx cho rằng sự thay thế của các phương thức sản xuất là nguyên nhân cơ bản nhất dẫn tới sự thay thế của hình thái kinh tế - xã hội này bằng hình thái kinh tế - xã hội khác, từ đó tạo nên sự phát triển theo khuynh hướng đi lên của lịch sử loài người, thì ngược lại, theo K. Popper, không phải phương thức sản xuất mà chính sự tăng trưởng của tri thức khoa học mới là nhân tố quan trọng nhất quyết định sự vận động phát triển của lịch sử. Và bởi chúng ta không thể dự đoán trước sự phát triển của tri thức nhân loại cho nên chúng ta không thể dự đoán được diễn tiến tương lai của lịch sử. Theo Popper, tri thức của con người tăng lên và thay đổi theo thời gian, và tri thức này một lần nữa ảnh hưởng đến các sự kiện xã hội (Tri thức đó có thể là một lí thuyết khoa học, một lí thuyết xã hội, hay một ý tưởng đạo đức hoặc tôn giáo). Vì chúng ta không thể dự đoán những điều mà chúng ta sẽ biết trong tương lai, do đó chúng ta không thể dự đoán tương lai. Bao lâu chúng ta thừa nhận là tri thức ảnh hưởng đến các hành vi xã hội và tri thức thay đổi theo thời gian - hai giả thiết mà K. Popper xem như là không thể chối cãi được - thì quan điểm cho rằng chúng ta có thể dự đoán được tương lai là không đúng, và vì vậy, chủ nghĩa lịch sử bị bác bỏ.

K. Popper thừa nhận tồn tại những quy luật khách quan trong lĩnh vực tự nhiên mà dựa vào đó các nhà khoa học có thể đưa ra những tiên đoán tương đối chính xác. Tuy nhiên, ông cho rằng trong lĩnh vực khoa học xã hội thì không có một quy luật chung nào chi phối sự vận động và phát triển của lịch sử. Chính vì vậy ông phê phán học thuyết hình thái kinh tế - xã hội của K. Marx khi cho rằng sự phát triển của các hình thái kinh tế - xã hội là một quá

trình lịch sử tự nhiên và quy luật cơ bản nhất chi phối tiến trình ấy là quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất.

Những phê phán đó của Popper đối với chủ nghĩa lịch sử, về thực chất, là sự phản ánh lập trường của ông trong việc bảo vệ sự tồn tại của chủ nghĩa tư bản. Trên cơ sở ấy, Popper cho rằng những dự báo của K. Marx về sự diệt vong của chủ nghĩa tư bản và sự thắng lợi tất yếu của chủ nghĩa xã hội là những dự báo sai lầm của chủ nghĩa lịch sử. Quan điểm của K. Marx về các vấn đề đó như Popper đánh giá, bắt nguồn từ một trong những mơ tưởng cổ xưa nhất của loài người – mơ tưởng của những lời dự báo. Chính vì lí do đó, Popper chủ trương dựa vào chính chế độ tư bản chủ nghĩa, vận dụng quyền lực chính trị để sửa đổi, bổ sung và cải cách chế độ kinh tế tư bản chủ nghĩa là có thể giải quyết được mâu thuẫn cơ bản của chủ nghĩa tư bản. Đó chính là lí do khiến Popper phản đối dự báo của K. Marx về xã hội tương lai. Với phương pháp tiếp cận như vậy, Popper cho rằng những mâu thuẫn nội tại của chủ nghĩa tư bản không nhất định sẽ đưa tới chủ nghĩa xã hội (Ly, 2005, p.91).

Trong tự truyện của ông, *Sự truy vấn không ngừng*, Popper nói rằng ông từng là một nhà Mác-xít khi còn trẻ, nhưng sau đó đã rời bỏ học thuyết này vì điều mà ông thấy như là tính giáo điều và bạo lực của nó. Tuy nhiên, chủ nghĩa xã hội vẫn còn hấp dẫn đối với ông và ông vẫn còn là người theo chủ nghĩa xã hội trong “một vài năm” sau khi rời bỏ chủ nghĩa Mác. Ông viết: “Không có gì có thể tốt hơn là sống một cuộc sống tự do, giản dị, và khiêm tốn trong một xã hội quân bình” (Ly, 2005, p.27). Tuy nhiên, cuối cùng ông kết luận là chủ nghĩa xã hội “chỉ là một giấc mơ đẹp”, giấc mơ bị bỏ dở vì sự xung đột giữa tự do và bình đẳng.

Karl Popper phủ nhận sự tồn tại của các “quy luật” lịch sử, ông dựa vào việc phân tích “quy luật” để phê phán chủ nghĩa duy vật lịch sử của triết học Mác. Ông cố gắng chứng minh rằng chúng ta không thể phát hiện ra quy luật phát triển của xã hội, vì xã hội thì luôn phát triển và sự phát triển này không lặp lại. Còn những “quy luật” thì chỉ xuất hiện trong một điều kiện ổn định và lặp lại khá cao.

Hạn chế này xuất phát từ việc Popper đã không thấy được sự khác nhau căn bản giữa quy luật tự nhiên và quy luật xã hội. Quy luật tự nhiên diễn ra một cách tự động không có sự tác động của con người. Quy luật xã hội diễn ra thông qua hoạt động của con người có ý thức, nhưng không phụ thuộc vào ý thức con người. Quy luật xã hội không biểu hiện ra trực tiếp ở từng hiện tượng đơn lẻ, từng con người mà thường biểu hiện ra như một xu hướng. Do đó, nếu không gian càng rộng, thời gian càng dài thì quy luật biểu hiện càng rõ. Quy luật xã hội phát huy tác dụng trong những điều kiện cụ thể, những điều kiện đó không ngừng thay đổi, từ hình thái kinh tế – xã hội này sang hình thái kinh tế – xã hội khác. Trong một hình thái kinh tế – xã hội thì các điều kiện ở mỗi nước cũng khác nhau, do đó quy luật phát huy tác dụng khác nhau.

K. Popper đã tuyệt đối hóa tính quy luật trong chủ nghĩa duy vật lịch sử của K. Marx mà không thấy rằng trong khi khẳng định tính chất lịch sử – tự nhiên, tức tính quy luật khách

quan của sự vận động, phát triển xã hội, chủ nghĩa Mác – Lênin cũng đồng thời khẳng định vai trò của các nhân tố khác đối với tiến trình của sự phát triển lịch sử nhân loại nói chung và lịch sử cộng đồng người cụ thể nói riêng. Đó là các nhân tố thuộc về điều kiện địa lí, tương quan lực lượng chính trị của các giai cấp, tầng lớp xã hội, truyền thống văn hóa của mỗi cộng đồng người, điều kiện tác động của tình hình quốc tế đối với tiến trình phát triển của mỗi cộng đồng người trong lịch sử. Chính do sự tác động của các nhân tố này mà tiến trình phát triển của mỗi cộng đồng người có thể diễn ra với những con đường, hình thức và bước đi khác nhau, tạo nên tính phong phú, đa dạng trong sự phát triển của nhân loại. Như vậy, lịch sử nhân loại nói chung theo chủ nghĩa duy vật lịch sử vừa tuân theo tính tất yếu quy luật xã hội, vừa chịu sự tác động đa dạng của các nhân tố khác nhau, trong đó có cả nhân tố hoạt động chủ quan của con người. Từ đó, tiến trình phát triển của lịch sử được biểu hiện ra là lịch sử thống nhất trong tính đa dạng và trong tính thống nhất của nó.

Mặc dù có những phê phán trực diện đối với các nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử song không phủ nhận hoàn toàn chủ nghĩa Mác, Popper tán thưởng việc K. Marx đã khiêu chiến chống lại chủ nghĩa tâm lí dùng tính người và dùng “quy luật của tâm linh” để giải thích đời sống xã hội và nêu lên chủ nghĩa duy vật để thay thế chủ nghĩa tâm lí. Ông cũng đồng ý với lí tưởng của K. Marx: chúng ta không nên thỏa mãn với việc giải thích thế giới, mà nên thúc đẩy nó thay đổi. Popper tỏ ra khâm phục K. Marx và tán thành một số quan điểm của chủ nghĩa Mác. Ông nói:

Mác rất cởi mở, nhạy cảm với sự thật, thực sự cầu thị, phản đối sự giả dối và chủ nghĩa hình thức, Mác khát vọng giúp đỡ những người bị áp bức, và Mác hiểu rõ ràng rằng để làm việc này không phải chỉ dùng lời nói mà quan trọng hơn là dùng hành động. (Ly, 2005, p.79).

K. Popper cho rằng K. Marx đã mở rộng tầm mắt cho chúng ta về nhiều mặt, ông có con mắt rất nhạy bén, ông đánh giá cao giá trị nhân văn mà chủ nghĩa Mác hướng đến. K. Popper thừa nhận rằng khi ông nghiên cứu tư tưởng của Platon và Hegel đã chịu ảnh hưởng của K. Marx.

K. Popper là một trong những đại biểu tiêu biểu của xu hướng phê phán chủ nghĩa Mác, nhưng với tư cách là một nhà khoa học chân chính, Popper không phủ định toàn bộ chủ nghĩa Mác. Qua những phân tích ở trên, chúng ta thấy Popper vẫn đánh giá cao K. Marx nói riêng và chủ nghĩa Mác nói chung ở nhiều mặt. K. Popper chỉ hướng sự phê phán của mình vào chủ nghĩa duy vật lịch sử của K. Marx và những dự báo về xã hội tương lai của ông.

2.3. Nguyên nhân cơ bản của sự đối lập trong hai cách tiếp cận

Mặc dù có nhiều nét tương đồng về tiểu sử và sự nghiệp nhưng Trần Đức Thảo và K. Popper lại tiếp cận chủ nghĩa Mác ở hai lập trường dường như là đối lập nhau. Nếu như Trần Đức Thảo trở thành một nhà Mác-xít chân chính, kế thừa và phát triển chủ nghĩa Mác trong những nghiên cứu của mình thì Karl Popper lại là một trong những người đi đầu trong việc phê phán chủ nghĩa Mác, đặc biệt là chủ nghĩa duy vật lịch sử. Có sự đối lập này là bởi:

Trong nghiên cứu về lịch sử người ta không dung từ nếu, vì không thể nếu với cái đã qua, cái không thể trở lại, nhưng lịch sử không phải là cái phôi pha, vì nó là một phần của hiện tại, soi sáng cho hiện tại bởi chính những giá trị được rút ra từ những dữ liệu đã qua. Vấn đề là anh đứng ở đâu trong sự tiếp nhận đó và vì ai, vì cái gì. (Nguyen, 2016a, p.229)

(i) Về phía Trần Đức Thảo

Là một triết gia, Trần Đức Thảo tất nhiên tìm thấy những khả năng của chủ nghĩa duy vật biện chứng của K. Marx trong việc giải quyết nhiều vấn đề của thực tiễn lịch sử mà hiện tượng học dùng chân, bắt lực. Ông bị hấp dẫn trước hết bởi nội dung khoa học và tính hệ thống của nó; thứ nữa, mới là hấp dẫn bởi tính chiến đấu, khả năng cải tạo thế giới của nó. Nhìn vào hồ sơ lí lịch và thư mục khoa học của ông, chúng ta có thể biết rằng cuốn *Hiện tượng học và chủ nghĩa duy vật biện chứng* của ông được nung nấu, thai nghén ngay trong ba tháng nằm tù do lời tuyên bố “phải nổ súng” vào quân xâm lược Pháp. Phải chăng đây chính là thời kì mà tình cảm yêu nước trở thành động lực thúc đẩy cho trí tuệ đi đến nhanh hơn với chủ nghĩa Mác.

Về sự nghiệp khoa học của mình, Trần Đức Thảo đã khẳng định:

Hiện tượng luận của Huserl tôi đã giải quyết xong. Vấn đề bây giờ là phong phú hóa, chính xác hóa chủ nghĩa Mác và phát triển chủ nghĩa Mác, đúng theo tinh thần duy vật biện chứng. Tôi tập trung luận chứng khoa học về biện chứng của lịch sử loài người... Đây là cuộc đấu tranh quyết liệt với mọi biểu hiện của phương pháp tư duy siêu hình, giáo điều và mọi luận điệu xuyên tạc chủ nghĩa Mác và tư tưởng triết học tiến bộ. Chỉ có như vậy mới hiểu được những giá trị bền vững của con người nói chung, mới phát triển được tính nhân văn của triết học Mác-xít để hiện thực hóa thành đời sống, thành sự sống của xã hội loài người. (Nguyen, 2016b, p.1195)

Cũng phải nói thêm rằng, Trần Đức Thảo đến với chủ nghĩa Mác qua tài liệu tiếng Pháp và tiếng Đức, tức là đến với một hệ thống triết học trong trạng thái tinh khôi, nguyên chất của nó. Bởi vì rõ ràng là những nhà trước tác kiêm lãnh tụ cao nhất của hai đất nước “anh cả” trong phe xã hội chủ nghĩa anh em xưa là Stalin và Mao Trạch Đông đều trở thành đối tượng phê phán của Giáo sư Trần Đức Thảo.

Trần Đức Thảo là người con của một dân tộc thuộc địa “Thảm thía nỗi đau của một dân tộc mất nước, nô lệ, với khát vọng dân chủ nên đã đi đến chủ nghĩa duy vật biện chứng của Mác để sáng tạo lí luận giải phóng dân tộc, giải phóng con người” (Nguyen, 2016b, p.1135) nhận thấy chủ nghĩa Mác là lí luận cách mạng, là con đường của độc lập tự do dân tộc. Từ thực tiễn của đất nước mình, ông ý thức sâu sắc rằng muốn giành được tự do dân chủ không có con đường nào khác là thông qua đấu tranh vũ trang.

Nhận xét về điều này, Phan Ngọc nói:

Trần Đức Thảo đến với chủ nghĩa duy vật sau khi trèo lên đỉnh cao nhất của chủ nghĩa duy tâm ở thời đại này là hiện tượng luận của Husserl rồi lật ngược nó lại. Từ duy tâm sang chủ nghĩa duy vật đó chính là sự phát triển biện chứng của chủ nghĩa duy tâm. Ông chuyển sang chủ nghĩa Mác là do tinh thần yêu nước. (Nguyen, Do, & Pham, 2008, p.17)

Khi học tập tại Pháp, Trần Đức Thảo đã tích cực hoạt động cách mạng. Năm 1944, Trần Đức Thảo được cử làm báo cáo viên chính trị tại Đại hội kiều dân Đông Dương họp trong tòa thị chính Avignon, nơi có một người cộng sản làm thị trưởng. Trước Đại hội, ông đã trình bày một bản dự thảo cương lĩnh đòi thiết lập nền dân chủ ở Đông Dương. Thay mặt 25.000 kiều dân Đông Dương ở Pháp, Đại hội đã bầu Trần Đức Thảo làm ủy viên Ban Tổng đại diện kiều dân Đông Dương ở Pháp, phụ trách nghiên cứu các vấn đề chính trị.

Đầu năm 1945, thay mặt Ban Tổng đại diện, triết gia đã cùng ông Lê Viết Hường gặp và làm việc với Maurice Thorezn – Tổng Bí thư Đảng cộng sản Pháp thời đó tại trụ sở Ủy ban Trung ương Đảng Cộng sản Pháp. Hai bên đã nhất trí về đường lối đấu tranh chung của các dân tộc bị áp bức chống chủ nghĩa đế quốc, cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc tất yếu phải đi đến chủ nghĩa cộng sản trong tình hình khách quan của thế giới.

Cách mạng tháng Tám thành công ở Việt Nam càng khích lệ ông hăng say hoạt động xã hội. Ông viết truyền đơn và đăng nhiều bài báo ủng hộ Việt Minh và Chính phủ Hồ Chí Minh. Theo sự tường thuật của báo chí Paris, trong một cuộc họp báo, khi một nhà báo Pháp hỏi: “Những người Đông Dương sẽ làm gì khi quân đội viễn chinh đổ bộ?” Trần Đức Thảo đã trả lời ngắn gọn mà đanh thép: “Phải nổ súng!” Sau đó ông bị nhà cầm quyền Pháp bắt giam vì tội “xâm phạm an ninh nước Pháp trong những lãnh thổ có chủ quyền của Pháp”. Trong ba tháng ở tù, Trần Đức Thảo đã nhận thấy rằng, trong hoàn cảnh khách quan mà ông đang sống nổi lên mâu thuẫn đối kháng gay gắt giữa dân tộc thuộc địa và chủ nghĩa tư bản đế quốc, và những suy nghĩ ấy đã dẫn dắt ông đến với chủ nghĩa Mác – Lênin. Định hướng này sau đó đã được thể hiện trong tác phẩm *Hiện tượng học và chủ nghĩa duy vật biện chứng*.

Trong thời gian Chủ tịch Hồ Chí Minh sang thăm nước Pháp (năm 1946), Trần Đức Thảo đã may mắn được gặp Người. Ông xin được làm thư kí cho Hồ Chủ tịch và hứa với Người sau khi viết xong luận án tiến sĩ sẽ trở về nước tham gia cách mạng. Thực hiện lời hứa với Hồ Chủ tịch, cuối năm 1951 ông rời nước Pháp trở về Tổ quốc qua đường Luân Đôn - Praha - Mátxcova - Bắc Kinh - Tân Trào.

Như vậy, Trần Đức Thảo đã tiếp cận và nghiên cứu chủ nghĩa Mác không chỉ với tư cách là một nhà triết học mà còn với tư cách là một người cộng sản của một đất nước bị xâm lược.

(ii) Về phía Karl Popper

Khác với Trần Đức Thảo, dù luôn đấu tranh cho phong trào tự do dân chủ song Karl Popper là công dân của một nước chính quốc, một nhà nước tư bản, đứng trên lập trường dân chủ cải lương, ông muốn xây dựng xã hội lí tưởng bằng con đường hòa bình thông qua đối thoại và cải cách.

K. Popper chưa hiểu đúng về chủ nghĩa Mác khi quy chủ nghĩa duy vật lịch sử về quyết định luận kinh tế và cho rằng những quan điểm của Mác về chủ nghĩa cộng sản là “không tương”. K. Popper nhận định không phải sản xuất vật chất mà chính sự phát triển của nhận thức nhân loại mới là yếu tố căn bản, quyết định sự phát triển của lịch sử. Mặc dù Popper

đánh giá rất cao quan niệm của K. Marx về con người gắn liền với ý thức của họ nhưng ông đã không thực sự hiểu được quan niệm về con người hiện thực của K. Marx khi tách rời thành tố tri thức của con người khỏi người lao động và quá trình sản xuất. Vì vậy, ông không thấy được tầm quan trọng của việc K. Marx và F. Engel chọn con người hiện thực làm xuất phát điểm xây dựng toàn bộ hệ thống lí luận của mình.

Bản thân K. Marx cũng luôn đề cao vai trò của tri thức khoa học đối với sự vận động phát triển của lịch sử xã hội loài người, đặc biệt đối với hoạt động sản xuất vật chất. Nghiên cứu sự phát triển của lực lượng sản xuất trong lịch sử, K. Marx đã khẳng định tri thức khoa học đã chuyển hóa thành lực lượng sản xuất trực tiếp. Tri thức khoa học được kết tinh, “vật hóa” vào người lao động, người quản lí, công cụ lao động và đối tượng lao động. Sự phát triển của khoa học đã kích thích sự phát triển năng lực làm chủ sản xuất của con người.

Mặc dù, K. Popper đã thấy được vai trò tích cực, chủ động sáng tạo của ý thức con người nhưng ông đã không đi xa hơn để thấy rằng bản thân ý thức không thể tự tác động vào vật chất mà phải thông qua hoạt động thực tiễn của con người. Nhờ hoạt động thực tiễn, ý thức có thể làm biến đổi những điều kiện, hoàn cảnh vật chất, thậm chí có thể tạo ra “thiên nhiên thứ hai” phục vụ cho cuộc sống của con người. Trong các hình thức hoạt động thực tiễn, K. Marx đã chỉ rõ hoạt động sản xuất vật chất là hoạt động quan trọng nhất.

Chỉ khi quan niệm như vậy, chúng ta mới có thể thấy được hoạt động sản xuất vật chất như là những hoạt động bản chất, đầu tiên của con người, trong đó con người xuất hiện không chỉ đơn thuần là sức lao động mà còn là người lao động với toàn bộ đời sống của họ; sản phẩm của lao động không chỉ đơn thuần thỏa mãn nhu cầu sử dụng hay trao đổi mà còn là kết tinh sức lao động, trí tuệ, tình cảm, văn hóa của con người. Xuất phát điểm đúng đắn đó đã cho phép K. Marx và F. Engel có thể phát hiện ra mối quan hệ biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất, giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng, từ đó đi đến nhận thức quy luật phát triển của lịch sử qua các hình thái kinh tế – xã hội mà các ông gọi là quá trình lịch sử – tự nhiên.

Khi phê phán chủ nghĩa duy vật lịch sử của K. Marx, có nhiều chỗ K. Popper đã đánh đồng cách tiếp cận duy vật biện chứng khoa học với chủ nghĩa duy tâm, siêu hình trong quan niệm về lịch sử. Do đó, K. Popper hình dung về xã hội cộng sản mà K. Marx vạch ra giống như xã hội đóng, khép kín không có tính mở. Nguyên nhân sâu xa là do ông đã đứng trên lập trường dân chủ tư sản để đánh giá chủ nghĩa Mác, xã hội mở mà K. Popper đề xuất thực chất chính là xã hội dân chủ tư sản.

Một lí do nữa khiến Popper kịch liệt phê phán chủ nghĩa duy vật lịch sử của K. Marx bởi xuất phát điểm nghiên cứu của K. Popper là nguyên tắc thử sai. Theo K. Popper, chủ nghĩa Mác khi mới hình thành là khoa học, nó có thể được thực tiễn chứng minh là thật hay giả. Thắng lợi của cuộc Cách mạng tháng Mười đã chứng minh chủ nghĩa Mác là giả, bởi vì chủ nghĩa Mác từng dự báo cách mạng xã hội chủ nghĩa phải thắng lợi ở các nước tư bản

phát triển nhất; nhưng Cách mạng tháng Mười Nga lại thắng lợi ở một nước lạc hậu – khâu yếu nhất của chủ nghĩa tư bản. Rõ ràng, K. Popper đã không thể hiểu đúng đắn rằng bản thân chủ nghĩa Mác là lí luận cách mạng không ngừng luôn được vận dụng, bổ sung và phát triển theo sự phát triển của thực tiễn.

K. Popper đã không quán triệt quan điểm lịch sử - cụ thể và quan điểm phát triển trong việc phê phán quan niệm của K. Marx về chủ nghĩa tư bản, bản chất bóc lột của chủ nghĩa tư bản và sự nghèo khổ cùng cực của giai cấp vô sản bằng việc chứng minh rằng ngày nay không còn chủ nghĩa tư bản như K. Marx mô tả và đời sống người công nhân đã được cải thiện. Bản thân K. Marx đã nhiều lần khẳng định chủ nghĩa tư bản vẫn luôn vận động và phát triển, K. Marx không thể nắm được tất cả các vấn đề của thời đại sau khi ông qua đời và có lẽ chính những nghiên cứu của K. Marx về chủ nghĩa tư bản đã ảnh hưởng tới sự vận động, biến đổi của bản thân hình thái kinh tế – xã hội này. Khi cho rằng đời sống của giai cấp công nhân tại các nước tư bản ngày càng được cải thiện, K. Popper đã không nhận thấy một thực tế rất rõ ràng là sự phân hóa giàu nghèo ngày càng sâu sắc, mặc dù đời sống của công nhân được cải thiện nhưng đó là sự phát triển chất lượng cuộc sống của toàn nhân loại, thêm vào đó tiền công thực tế luôn có xu hướng giảm do mức tăng của tiền lương danh nghĩa không cập với mức tăng của chi phí sinh hoạt của người công nhân.

Hơn nữa, K. Popper chịu ảnh hưởng của nguyên lí bất định, nội dung của nguyên lí này về tính không dự đoán trước được của các hiện tượng trong thế giới đã ảnh hưởng rất lớn tới quan niệm bất khả tri trong những nghiên cứu về lịch sử của K. Popper cũng như những phê phán gay gắt của ông đối với tính quy luật của chủ nghĩa duy vật lịch sử.

3. Kết luận

Những cách tiếp cận đa chiều của các nhà nghiên cứu đối với chủ nghĩa Mác là vấn đề rất cần được quan tâm. Nghiên cứu và làm rõ vấn đề này không chỉ giúp chúng ta thấy rõ hơn quá trình kế thừa và phát triển những tinh hoa tư tưởng của chủ nghĩa Mác trong triết học Trần Đức Thảo, mà còn góp phần giúp chúng ta có cái nhìn đa chiều hơn đối với chủ nghĩa Mác từ tinh thần phản biện khoa học của Karl Popper.

Sự khác biệt trong cách tiếp cận đối với chủ nghĩa Mác của Karl Popper và Trần Đức Thảo hoàn toàn có thể lí giải từ những nguyên nhân chủ quan và khách quan nêu trên. Có thể nói, dù đứng trên lập trường khác nhau thì cả Karl Popper và Trần Đức Thảo đều là những nhà khoa học “tư duy không biết mệt”, say mê nghiên cứu với một tinh thần phản biện chân chính.

❖ **Tuyên bố về quyền lợi:** Tác giả xác nhận hoàn toàn không có xung đột về quyền lợi.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Ly, Q. T. (2005). *Karl Raimund Popper* (Quang Lam translated). East-West Cultural and Cultural Center: Thuan Hoa Publishing House.
- Nguyen, T. D. (2016). *Giao trinh mot so van de ve con nguoi va van hoa cua triet hoc phuong Tay hien dai* [Some issues of culture and people of modern Western philosophy textbook]. Hue University Publishing House.
- Nguyen, C. H., Do, M. H., & Pham, Q. T. (2008). *Hien tuong hoc Huserl* [Huserl Phenomenology]. Hanoi: Religion Publishing House.
- Nguyen, T. K. (2016). *Triet gia Tran Duc Thao – Di cao, hoi uc, ki niem* [Philosopher Tran Duc Thao - Posthumous manuscript, Recollections, Memories]. Hue University Publishing House.
- Tran, D. T. (1984). *Tran Duc Thao tu thuat tieu su* [Tran Duc Thao's autobiography]. Retrieved from: <https://www.trieuxuan.info/Tran-Duc-Thao-tu-thuat-tieu-su/>

TRAN DUC THAO AND KARL POPPER: DIFFERENT APPROACHES TO MARXISM**Bui Lan Huong**

Hanoi Pedagogical University 2, Vietnam

Corresponding author: Bui Lan Huong – Email: builanhuong.ussh@gmail.com

Received: May 01, 2020; Revised: June 01, 2020; Accepted: July 20, 2020

ABSTRACT

The paper analyses the differences in the study of Marxism by two famous 20th century philosophers: Tran Duc Thao and Karl Popper. Although there are a number of similarities in origin and career, Tran Duc Thao moving from the idealism to the materialism under the influence of Marxist philosophy became a true Marxist who inherited and developed Marxism while Karl Popper left Marxism and became a firm critic of this Maxism. It is because they approached Marxism with two different directions. If Tran Duc Thao came to Marxism as a patriot of a colonial country to search for a system of revolutionary reasoning for national liberation, K. Popper stood on the reformist democracy stance of a citizen of a capitalist country to criticize this theory. However, despite any aspect they chose to study Marxism, both Karl Popper and Tran Duc Thao are passionate, “unceaseless” thinkers with a true spirit of criticism.

Keywords: Karl Popper; Tran Duc Thao; Marxism; differences